

guó jiā
国家

COUNTRIES

A. 日本

1. yīng guó

B. 中国

2. nán fēi

C. 新加坡

3. yì dà lì

D. 澳大利亚

4. fǎ guó

E. 英国

5. rì běn

F. 美国

6. xīn jiā pō

G. 德国

7. xī bān yá

H. 法国

8. ào dà lì yà

I. 南非

9. měi guó

J. 意大利

10. dé guó

K. 西班牙

11. zhōng guó